

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN ANH KHỐI 9

NĂM HỌC: 2021 – 2022

Tuần 1: (06/9/2021 – 11/9/2021)

UNIT 1

A VISIT FROM A PEN PAL

[MỘT CHUYẾN THĂM CỦA NGƯỜI BẠN QUEN BIẾT QUA THƯ]

VOCABULARY

- foreign /'fɒrən/ (a): thuộc về nước ngoài
 - + foreigner /'fɒrənə(r)/ (n): người nước ngoài
- activity /æk'tɪvəti/ (n): hoạt động
- correspond /ˌkɒrə'spɒnd/ (v): trao đổi thư từ
- at least /ət - li:st/: ít nhất
- modern /'mɒdn/ (a): hiện đại
- ancient /'eɪnʃənt/ (a): cổ xưa
- impress /ɪm'pres/ (v): gây ấn tượng
 - + impression /ɪm'preʃn/ (n): sự gây ấn tượng
 - + impressive /ɪm'presɪv/ (a): gây ấn tượng
- beauty /'bju:ti/ (n): vẻ đẹp
 - + beautiful /'bju:tɪfl/ (a): đẹp
 - + beautify /'bju:tɪfaɪ/ (v): làm đẹp
- friendliness /'frendlɪnəs/ (n): sự thân thiện
- mausoleum /ˌmɔ:sə'li:əm/ (n) lăng mộ
- mosque /mɒsk/ (n) nhà thờ Hồi giáo
- primary school /'praɪməri - sku:l/: trường tiểu học
- secondary school /'sekəndri - sku:l/: trường trung học
- peace /pi:s/(n): hòa bình, sự thanh bình
 - + peaceful /'pi:sfl/ (a): thanh bình, yên tĩnh
- atmosphere /'ætməsfɪə(r)/ (n): bầu không khí
- pray /preɪ/(v): cầu nguyện
- abroad /ə'brɔ:d/ (a) (ở, đi) nước ngoài
- depend on /dɪ'pend/ = rely on /rɪ'laɪ/: tùy thuộc vào, dựa vào

CHƯƠNG I: CĂN BẬC HAI – CĂN BẬC BA

Bài 1. CĂN BẬC HAI

1. Căn bậc hai số học

- Định nghĩa
 - Với số dương a, số $\sqrt{a}$ được gọi là căn bậc hai số học của a.
 - Số 0 cũng được gọi là căn bậc hai số học của 0.
- Ví dụ 1
 - Căn bậc hai số học của 25 là $\sqrt{25}$ (=5)
 - Căn bậc hai số học của 6 là $\sqrt{6}$
- Chú ý
Với $a \geq 0$ ta có: $\sqrt{a} = \sqrt{a} \Leftrightarrow \begin{cases} x \geq 0 \\ x^2 = a \end{cases}$
- [?] Tìm căn bậc hai số học của mỗi số sau
 - a) 49 b) 64 c) 81 d) 1,21
 - a) $\sqrt{49} = 7$ b) $\sqrt{64} = 8$ c) $\sqrt{81} = 9$ d) $\sqrt{1,21} = 1,1$
- Phép toán tìm căn bậc hai số học của một số không âm gọi là phép khai phương (gọi tắt là khai phương)
- [?] Tìm các căn bậc hai của mỗi số sau
 - a) 64 b) 81 c) 1,21
 - Căn bậc hai của 64 là 8 và -8
 - Căn bậc hai của 81 là 9 và -9
 - Căn bậc hai của 1,21 là 1,1 và -1,1

2. So sánh các căn bậc hai số học

- Định lí
Với 2 số a và b không âm ta có $a < b \Leftrightarrow \sqrt{a} < \sqrt{b}$
- Ví dụ 2: So sánh
 - a) 1 và $\sqrt{2}$ b) 2 và $\sqrt{5}$
 - a) Ta có $1 < 2 \Leftrightarrow \sqrt{1} < \sqrt{2} \Leftrightarrow 1 < \sqrt{2}$
 - b) Ta có $4 < 5 \Leftrightarrow \sqrt{4} < \sqrt{5} \Leftrightarrow 2 < \sqrt{5}$
- [?] So sánh: a) 4 và $\sqrt{15}$ b) $\sqrt{11}$ và 3
 - a) Ta có $16 > 15 \Leftrightarrow \sqrt{16} > \sqrt{15} \Leftrightarrow 4 > \sqrt{15}$
 - b) Ta có $11 > 9 \Leftrightarrow \sqrt{11} > \sqrt{9} \Leftrightarrow \sqrt{11} > 3$
- Ví dụ 3: Tìm số x không âm, biết
 - a) $\sqrt{x} > 2$ b) $\sqrt{x} < 1$
 - $\Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} > \sqrt{4} \\ x \geq 0 \end{cases}$

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

$$a) \text{ Vì } \sqrt{x} > 2 \Leftrightarrow \begin{cases} x > 4 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x > 4$$

$$b) \text{ Vì } \sqrt{x} < 1 \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} < \sqrt{1} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x < 1 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow 0 \leq x < 1$$

- ? Tìm x không âm, biết

$$a) \sqrt{x} > 1 \quad b) \sqrt{x} < 3$$

$$a) \text{ Vì } \sqrt{x} > 1 \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} > \sqrt{1} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x > 1 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x > 1 ; b) \text{ Vì } \sqrt{x} < 3 \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} < \sqrt{9} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x < 9 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow 0 \leq x < 9$$

3. Luyện tập

1. Tìm căn bậc hai số học của mỗi số sau rồi suy ra căn bậc hai của chúng :

121 ; 144 ; 169 ; 225

$$\sqrt{121}=11 \quad ; \quad \sqrt{144} = 12 \quad ; \quad \sqrt{169}=13 \quad ; \quad \sqrt{225} = 15$$

Căn bậc hai của 121 là 11 và -11

Căn bậc hai của 144 là 12 và -12

Căn bậc hai của 169 là 13 và -13

Căn bậc hai của 225 là 15 và -15

3. Dùng máy tính bỏ túi, tính giá trị gần đúng của nghiệm mỗi phương trình sau (làm tròn đến chữ số thập phân thứ ba) :

$$a) x^2 = 2 ;$$

$$b) x^2 = 3 ;$$

$$c) x^2 = 3,5 ;$$

$$d) x^2 = 4,12.$$

$$a) x \approx \pm 1,414 \quad ; \quad b) x \approx \pm 1,732 \quad ; \quad c) x \approx \pm 1,871 \quad ; \quad d) x \approx \pm 2,03$$

4. Tìm số x không âm, biết :

$$a) \sqrt{x} = 15 ;$$

$$b) 2\sqrt{x} = 14 ;$$

$$c) \sqrt{x} < \sqrt{2} ;$$

$$d) \sqrt{2x} < 4.$$

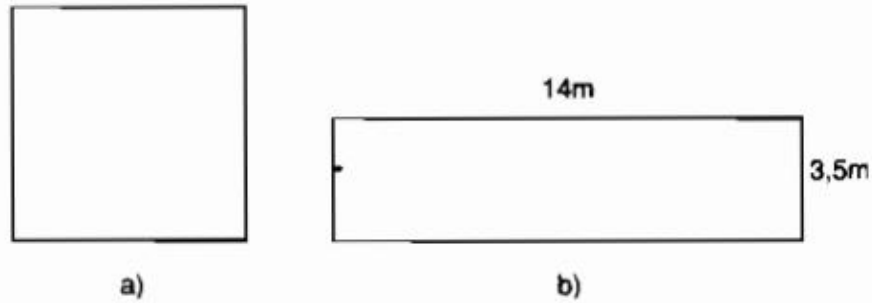
$$a) \text{ Vì } \sqrt{x} = 15 \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} = \sqrt{225} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x = 225$$

$$b) \text{ Vì } 2\sqrt{x} = 14 \Leftrightarrow \sqrt{x} = 7 \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x} = \sqrt{49} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x = 49$$

$$c) \text{ Vì } \sqrt{x} < \sqrt{2} \Leftrightarrow \begin{cases} x < 2 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow 0 \leq x < 2$$

d) Vì $\sqrt{2x} < 4$ $\Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{2x} < \sqrt{16} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{2x} < \sqrt{16} \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 2x < 16 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x < 8 \\ x \geq 0 \end{cases} \Leftrightarrow 0 \leq x < 8$

5. **Đố.** Tính cạnh một hình vuông, biết diện tích của nó bằng diện tích của hình chữ nhật có chiều rộng 3,5m và chiều dài 14m (h.1).



Hình 1

Diện tích hình chữ nhật: $14 \cdot 3,5 = 49 \text{ (m}^2\text{)}$

Cạnh hình vuông: $\sqrt{49} = 7\text{(m)}$

Bài 2. CĂN THỨC BẬC HAI VÀ HẰNG ĐẲNG THỨC $\sqrt{A^2} = |A|$

1. Căn thức bậc hai

Một cách tổng quát :

Với A là một biểu thức đại số, người ta gọi $\sqrt{A}$ là **căn thức bậc hai** của A, còn A được gọi là **biểu thức lấy căn** hay **biểu thức dưới dấu căn**.

$\sqrt{A}$ xác định (hay có nghĩa) khi A lấy giá trị không âm.

$\sqrt{A}$ xác định (hay có nghĩa) khi : $A \geq 0$

Ví dụ1 :

$\sqrt{2x-6}$ xác định khi : $2x-6 \geq 0$

$$\Leftrightarrow 2x \geq 6 \Leftrightarrow x \geq 3$$

Vậy với $x \geq 3$ thì $\sqrt{2x-6}$ xác định.

2/ Hằng đẳng thức: $\sqrt{A^2} = |A|$

Định lí :

Với mọi số a , ta có $\sqrt{a^2} = |a|$

Chú ý : $\sqrt{A^2} = |A|$ tức là : $\sqrt{A^2} = A$ nếu $A \geq 0$

$$\sqrt{A^2} = -A \text{ nếu } A \leq 0$$

(A là biểu thức)

Ví dụ 2 : Tính

a) $\sqrt{12^2}$

b) $\sqrt{(-7)^2}$

Giải

a) $\sqrt{12^2} = |12| = 12$

b) $\sqrt{(-7)^2} = |-7| = 7$

Ví dụ 3 : Rút gọn

a) $\sqrt{(\sqrt{2}-1)^2}$

b) $\sqrt{(2-\sqrt{5})^2}$

Giải

a) $\sqrt{(\sqrt{2}-1)^2} = |\sqrt{2}-1| = \sqrt{2}-1$

b) $\sqrt{(2-\sqrt{5})^2} = |2-\sqrt{5}| = \sqrt{5}-2$

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

Bài tập 1: Tính

$$a)\sqrt{11^2}$$

$$b)\sqrt{(-0,3)^2}$$

$$c)\sqrt{(3-\sqrt{11})^2}$$

$$d)\sqrt{(2-\sqrt{3})^2}$$

Đáp án

$$a)\sqrt{11^2} = |11| = 11$$

$$b)\sqrt{(-0,3)^2} = |-0,3| = 0,3$$

$$c)\sqrt{(3-\sqrt{11})^2} = |3-\sqrt{11}| = \sqrt{11}-3$$

$$d)\sqrt{(2-\sqrt{3})^2} = |2-\sqrt{3}| = 2-\sqrt{3}$$

Bài tập 2 : Rút gọn các biểu thức sau:

$$a)\sqrt{(x-2)^2} \text{ Với } x \geq 2 \quad b)\sqrt{x^2} \text{ Với } x < 0$$

$$c)\sqrt{(x+1)^2}$$

Đáp án

$$a)\sqrt{(x-2)^2} = |x-2| = x-2 \text{ (Vì } x \geq 2) \quad b)\sqrt{x^2} = |x| = -x \text{ (Vì } x < 0)$$

$$c)\sqrt{(x+1)^2} = |x+1| = \begin{cases} x+1 & \text{nếu } x+1 \geq 0 \\ -x-1 & \text{nếu } x+1 \leq 0 \end{cases}$$

BÀI 9 (SGK – T11): Tìm x biết

$$a)\sqrt{x^2} = 7$$

$$b)\sqrt{x^2} = |-8|$$

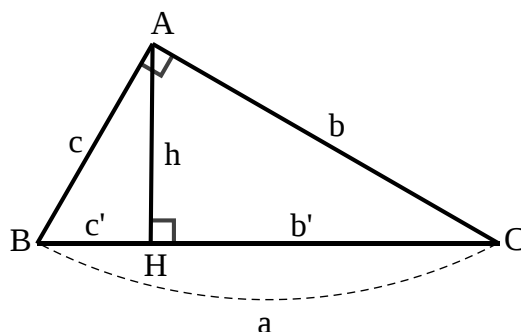
BÀI GIẢI :

$$a)\sqrt{x^2} = 7 \Leftrightarrow |x| = 7 \Leftrightarrow x = 7 \text{ hoặc } x = -7$$

$$b)\sqrt{x^2} = |-8| \Leftrightarrow |x| = 8 \Leftrightarrow x = 8 \text{ hoặc } x = -8$$

CHƯƠNG I: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG

**Bài 1. MỘT SỐ HỆ THỨC VỀ CẠNH
VÀ ĐƯỜNG CAO TRONG TAM GIÁC VUÔNG**



1. Hệ thức giữa cạnh góc vuông và hình chiếu của nó trên cạnh huyền

Định lí 1

Trong một tam giác vuông, bình phương mỗi cạnh góc vuông bằng tích của cạnh huyền và

hình chiếu của cạnh góc vuông trên cạnh huyền.

Cụ thể, trong tam giác ABC vuông tại A, ta có

$$b^2 = ab', c^2 = ac'. \quad (1)$$

2. Một số hệ thức liên quan đến đường cao

Định lí 2

Trong một tam giác vuông, bình phương đường cao ứng với cạnh huyền bằng tích hai hình chiếu của cạnh góc vuông trên cạnh huyền

Cụ thể, trong tam giác ABC vuông tại A, ta có

$$h^2 = b'c'. \quad (2)$$

Định lí 3

Trong một tam giác vuông, tích của hai cạnh góc vuông bằng tích của cạnh huyền với

đường cao tương ứng

Cụ thể, trong tam giác ABC vuông tại A, ta có

$$a.h = b.c \quad (3)$$

Định lí 4

Trong một tam giác vuông, nghịch đảo của bình phương đường cao ứng với cạnh huyền

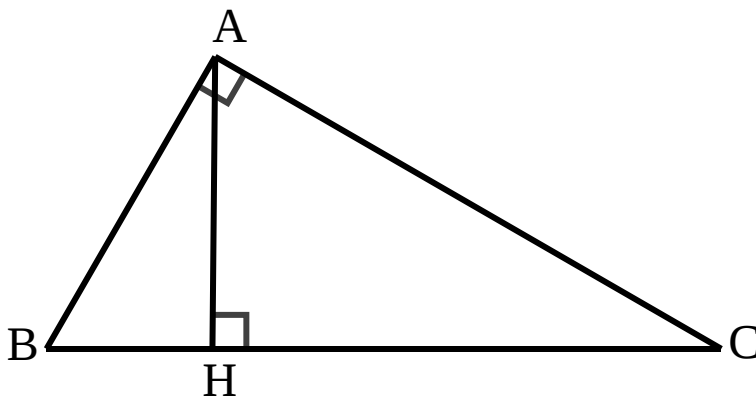
bằng tổng các nghịch đảo của bình phương hai cạnh góc vuông.

Cụ thể, trong tam giác ABC vuông tại A ta có

$$\frac{1}{h^2} = \frac{1}{a^2} + \frac{1}{b^2} \quad (4)$$

3. Vận dụng

Ví dụ: Cho tam giác vuông tại A có AB = 9cm, BC = 15cm. AH là đường cao (H thuộc cạnh BC). Tính BH, CH, AC và AH.



Giải

- $\triangle ABC$ vuông tại A, AH là đường cao
 $AB^2 = BH.BC$ (hệ thức lượng trong tam giác vuông)
 $9^2 = BH.15$
 $BH = \frac{27}{5} \text{ cm}$
suy ra $CH = 15 - \frac{27}{5} = \frac{48}{5} \text{ cm}$
- $\triangle ABC$ vuông tại A, AH là đường cao
 $AC^2 = CH.BC$ (hệ thức lượng trong tam giác vuông)
 $AC^2 = \frac{48}{5} \cdot 15$
 $AC^2 = 144$

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

$$AC = 12 \text{ cm}$$

(có thể áp dụng thêm tìm AC bằng cách dùng định lý Pytago)

- $\triangle ABC$ vuông tại A, AH là đường cao

$$AH^2 = BH \cdot CH \text{ (hệ thức lượng trong tam giác vuông)}$$

$$AH^2 = \frac{27}{5} \cdot \frac{48}{5}$$

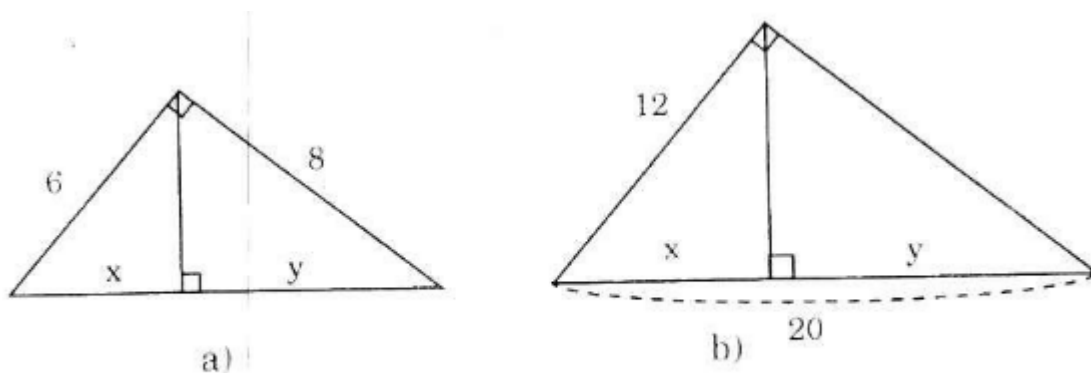
$$AH^2 = \frac{1296}{25}$$

$$AH = \frac{36}{5} \text{ cm}$$

(có áp dụng theo công thức (4) tìm được AH)

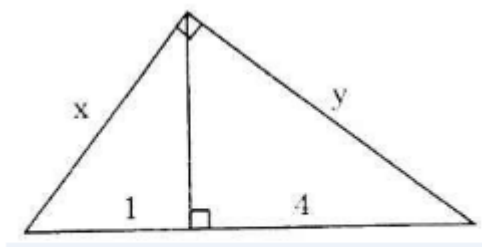
4. Bài tập về nhà

Bài 1 (trang 68 SGK Toán 9 Tập 1): Hãy tính x và y trong mỗi hình sau: (h.4a, b)



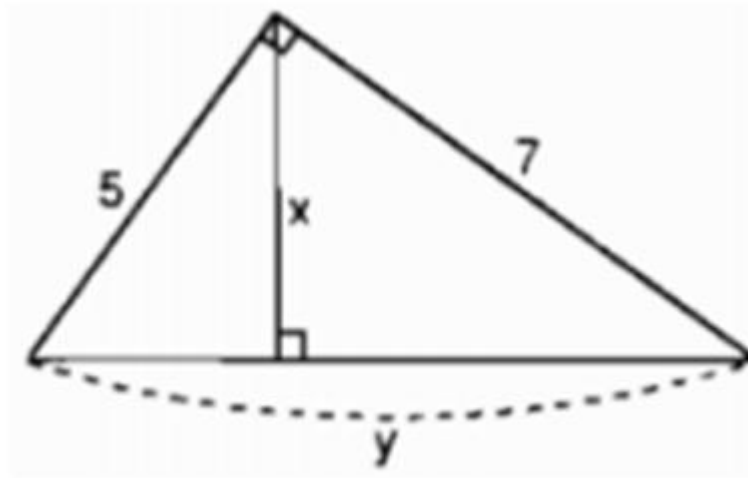
Hình 4

Bài 2 (trang 68 SGK Toán 9 Tập 1): Hãy tính x và y trong mỗi hình sau: (h.5)



Hình 5

Bài 3 (trang 69 SGK Toán 9 Tập 1): Hãy tính x và y trong mỗi hình sau: (h.6)



Hình 6

Tiết 1: Bài 1: Sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn

1. Sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn:

- Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn.
- Nếu cùng một dây dẫn, khi tăng hoặc giảm hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn cũng tăng hoặc giảm theo.

2. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế:

- Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây là một đường thẳng đi qua gốc tọa độ ($U = 0, I = 0$)
 - *Kết luận:*
- Hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây tăng(hay giảm) bao nhiêu lần thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn cũng tăng(hay giảm) bấy nhiêu lần.

3. Vận dụng:

3.1: Cùng một dây dẫn, khi hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây là 12V thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn lúc này là 0.5A. Hỏi khi lần lượt cho hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây lần lượt là 18V, 24V, 32V thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn lúc lần lần lượt là bao nhiêu?

3.2 : Khi hiệu điện thế đặt vào 2 đầu dây dẫn là 6V thì cường độ dòng điện qua dây là 0.2 A. Hỏi : Khi tăng hiệu điện thế lên 5 lần thì cường độ dòng điện chạy qua dây lúc này tăng hay giảm? cường độ dòng điện lúc này có giá trị bao nhiêu?

Tiết 2: Bài 2- Điện trở của dây dẫn- Định luật Ôm

I. Điện trở của dây dẫn:

- Điện trở của dây dẫn (R) được xác định bằng thương số:
 $R = U/I$

Đơn vị của điện trở là Ôm. Kí hiệu : Ω

Hoặc kilôÔm. Kí hiệu : $k\Omega$

Hoặc mêgaÔm. Kí hiệu : $M\Omega$

- Ý nghĩa của điện trở: biểu thị cho mức độ cản trở dòng điện nhiều hay ít.

II. Định luật Ôm:

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

1. Phát biểu:

- Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây và tỉ lệ nghịch với điện trở của dây.

2. Hệ thức:

$$I = U/R$$

Trong đó:

U đo bằng vôn (V)

I đo bằng Ampe (A)

R đo bằng Ôm (Ω)

III. Vận dụng:

C3: Một bóng đèn lúc thấp sáng có điện trở là 12Ω và cường độ dòng điện chạy qua đèn là 0,5A. Tính hiệu điện thế giữa hai đầu dây tóc bóng đèn khi đó?

C4: Đặt cùng một hiệu điện thế vào hai đầu các dây dẫn có điện trở R_1 và R_2 và $R_1 = 3 \cdot R_2$. Dòng điện qua dây dẫn nào có cường độ lớn hơn và lớn hơn bao nhiêu lần?

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC KHỐI 9**NĂM HỌC: 2021 - 2022****TUẦN 1: (06/9/2021 – 11/9/2021)**

Lưu ý:

1. HS đăng nhập vào trang **lophoc.hcm.edu.vn** để điểm danh và nhấn vào **đường link** giáo viên gửi để tham gia học trực tuyến.
2. HS tham khảo trong SGK để rõ hơn về nội dung và phương trình. (Vì trang web không hỗ trợ 1 số kí tự đặc biệt nên sẽ bị lệch, bị mất trong khi đăng bài).
3. HS có thắc mắc (trao đổi trực tiếp với GVBM trong giờ học online hoặc vào mục thảo luận của trang web **lophoc.hcm.edu.vn**).
4. Nộp bài kiểm tra (hoặc BT nếu GV yêu cầu) đều nộp trên trang web **lophoc.hcm.edu.vn** để GV thống kê và điểm danh.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	Tiết 1 ÔN TẬP
<u>Hoạt động 1:</u> <i>Ôn tập kiến thức hóa 8</i> <i>Đổi mới cách gọi tên các hợp chất, NTHH theo danh pháp IUPAC</i>	I. Hóa trị (I) : H, K, Na, Ag, Cl... (NO ₃ , OH) (II): O, Ca, Ba, Mg, Zn, Fe, Cu, Pb... (SO ₃ , SO ₄ , CO ₃) (III) : Fe, Al,.... (PO ₄) II. Công thức Số mol : n (mol) Khối lượng : m (g) Thể tích : V (lít) Nồng độ mol : C _M (M, mol/lít) Nồng độ phần trăm : C% (%) 1. Tính số mol theo khối lượng $n = \frac{m}{M}$ 2. Tính số mol theo thể tích chất khí ở đkc (25°C, 1 bar) $n = \frac{V}{24,79}$

3. Tính khối lượng

$$m = n \times M$$

4. Tính thể tích chất khí ở đkc (25°C, 1 bar)

$$V = n \times 24,79$$

5. Tính nồng độ mol

$$C_M = \frac{n}{V_{dd}}$$

6. Tính nồng độ phần trăm

$$C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} \times 100\%$$

III. Bổ sung khái niệm acid, baseAcid : phân li tạo thành ion H^+ Base : phân li tạo thành ion OH^- **IV. Thay đổi 1 số cách đọc tên**

1. Oxit $\rightarrow$ oxide - /'ɒksaɪd/
2. Oxit bazơ $\rightarrow$ basic oxide
3. Oxit axit $\rightarrow$ acidic oxide
4. Axit $\rightarrow$ acid - /'æsaɪd/
5. Bazơ $\rightarrow$ base - /beɪs/
6. Nhóm OH $\rightarrow$ “hydroxide” - /haɪ'drɒksaɪd/

Bảng 1: Kí hiệu hóa học và tên gọi các nguyên tố theo danh pháp IUPAC

Proton	KÍ HIỆU HÓA HỌC	TÊN GỌI	PHIÊN ÂM TIẾNG ANH	NGUYÊN TỬ KHỐI
1	H	Hydrogen	/'haɪdrədʒən/	1
2	He	Helium	/'hi:liəm/	4
3	Li	Lithium	/'lɪθiəm/	7
4	Be	Beryllium	/bə'rɪliəm/	9

TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

	5	B	Boron	/'bɔ: rɒn/ /'bɔ: rɑ: n/	11
	6	C	Carbon	/'kɑ: bən/ /'kɑ: r bən/	12
	7	N	Nitrogen	/'naɪtrədʒən/	14
	8	O	Oxygen	/'ɒksɪdʒən/ /'ɑ: ksɪdʒən/	16
	9	F	Fluorine	/'flɔ: ri: n/ /'flʊəri: n/ /'flɔ: ri: n/ /'flɒri: n/	19
	10	Ne	Neon	/'ni: ʊn/ /'ni: ɑ: n/	20
	11	Na	Sodium, (Natrium)	/'səʊdiəm/ /'neɪtriəm/	23
	12	Mg	Magnesium	/mæg'ni: ziəm/	24
	13	Al	Aluminium	/, æljə' miniəm/ /, ælə' miniəm/	27
	14	Si	Silicon	/'sɪlɪkən/	28
	15	P	Phosphorus	/'fɒsfərəs/ /'fɑ: sfərəs/	31
	16	S	Sulfur	/'sʌlfə(r)/ /'sʌlfər/	32
	17	Cl	Chlorine	/'klɔ: ri: n/	35,5
	18	Ar	Argon	/'ɑ: gɒn/ /'ɑ: rgɑ: n/	39,9
	19	K	Potassium/ kalium	/pə'tæsiəm/ /'keiliəm/	39
	20	Ca	Calcium	/'kælsiəm/	40
	24	Cr	Chromium	/'krəʊmiəm/	52
	25	Mn	Manganese	/'mæŋgəni: z/	55
	26	Fe	Iron Ferrum	/'aɪən/, /'aɪər n/ /'ferəm/	56
	29	Cu	Copper, (cuprum)	/'kɒpə(r)/, /'kɑ: pər/ /'k^prəm/	64

	30	Zn	Zinc	/zɪŋk/	65
	35	Br	Bromine	/'brəʊmi:n/	80
	47	Ag	Silver	/'sɪlvə(r)/ /'sɪlvər/	108
	56	Ba	Barium	/'beəriəm/ /'beriəm/	137
	79	Au	Gold (aurum)	/goʊld/ /aʊrəm/	197
	80	Hg	Mercury	/'mɜ:kjəri/ /'mɜ:rkjəri/	201
	82	Pb	Lead	/li:d/	207
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>		- HS học thuộc tên của các NTHH theo danh pháp IUPAC			

-----000-----

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	Tiết 2 CHƯƠNG I : CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ Bài 1: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIDE KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÂN LOẠI OXIDE
Hoạt động 1: <i>HS tham khảo SGK Hóa 9 và chú ý nghe GV giảng bài.</i>	I. Tính chất hóa học của basic oxide (oxide của kim loại) 1. $\begin{array}{c} \text{B.O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Base} \\ \downarrow \\ (\text{CaO}, \text{BaO}, \text{Na}_2\text{O}, \text{K}_2\text{O}, \dots) \end{array}$ VD: $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$ $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2 \text{NaOH}$ 2. $\text{B.O} + \text{Acid} \rightarrow \text{Muối} + \text{H}_2\text{O}$

	VD: $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{ZnO} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{Fe}_2\text{O}_3 + 6\text{HNO}_3 \rightarrow 2\text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + 3\text{H}_2\text{O}$ 3. $\text{B.O} + \text{A.O} \rightarrow \text{Muối}$ VD: $\text{BaO} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{BaCO}_3$ II. Tính chất hóa học của acidic oxide (oxide của phi kim) 1. $\text{A.O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Acid}$ VD: $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$ $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_3$ $\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$ $\text{N}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{HNO}_3$ $\text{P}_2\text{O}_5 + 3\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{H}_3\text{PO}_4$ 2. $\text{A.O} + \text{Base tan} \rightarrow \text{Muối} + \text{H}_2\text{O}$ VD: $\text{CO}_2 + \text{Ca}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{SO}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ 3. $\text{A.O} + \text{B.O} \rightarrow \text{Muối (học ở trên)}$ III. Khái quát về sự phân loại oxide SGK/5
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. (HS làm vào tập BT tiết sau GV sẽ sửa bài trực tiếp)	1. Hoàn thành các PTHH sau: 1/ $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 11/ $\text{K}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 2/ $\text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 12/ $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 3/ $\text{SO}_3 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 13/ $\text{BaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 4/ $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ 14/ $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

	5/ $\text{N}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ $\rightarrow \dots\dots\dots$	15/ $\text{CuO} + \text{HCl}$ $\rightarrow \dots\dots\dots$
	6/ $\text{CO}_2 + \text{Ca}(\text{OH})_2 \rightarrow \dots\dots\dots$ $\rightarrow \dots\dots\dots$	16/ $\text{MgO} + \text{HCl}$ $\rightarrow \dots\dots\dots$
	7/ $\text{SO}_3 + \text{NaOH} \rightarrow \dots\dots\dots$ $\rightarrow \dots\dots\dots$	17/ $\text{FeO} + \text{H}_2\text{SO}_4$ $\rightarrow \dots\dots\dots$
	8/ $\text{NaOH} + \text{N}_2\text{O}_5 \rightarrow \dots\dots\dots$ $\dots\dots\dots$	18/ $\text{Al}_2\text{O}_3 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow$ $\dots\dots\dots$
	9/ $\text{Na}_2\text{O} + \text{SO}_2 \rightarrow \dots\dots\dots$ $\dots\dots\dots$	19/ $\text{SO}_2 + \text{CaO} \rightarrow$ $\dots\dots\dots$
	10/ $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{K}_2\text{O} \rightarrow \dots\dots\dots$ $\dots\dots\dots$	20/ $\text{Na}_2\text{O} + \text{N}_2\text{O}_5 \rightarrow$ $\dots\dots\dots$

PHẦN I: DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ

CHƯƠNG I CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MENDEL

Bài 2: LAI MỘT CẶP TÍNH TRẠNG

HOẠT ĐỘNG 1:

I. Thí nghiệm của Mendel:

B1: Quy ước gen:

Gen A quy định hoa đỏ

Gen a quy định hoa trắng

Gen A trội hoàn toàn so với gen a.

B2: Sơ đồ lai :

P^{T/C}: ♂ AA^{Hoa đỏ} x ♀ aa^{Hoa trắng}

Gp: A a

F₁ : Aa

TLKG F₁ : 100% Aa

TLKH F₁ : 100% Hoa đỏ

F₁ x F₁: ♂ Aa^{Hoa đỏ} x ♀ Aa^{Hoa đỏ}

G_{F1} : A ; a A ; a

F₂ : AA ; Aa ; Aa ; aa

TLKG F₂ : 1 Aa : 2Aa : 1 aa

TLKH F₂ : 3 Hoa đỏ : 1 Hoa trắng

Hay (75% Hoa đỏ : 25% Hoa trắng)

II. Quy luật phân li :

Trong quá trình phát sinh giao tử ,mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao tử và giữ nguyên bản chất như cơ thể thuần chủng của P.

BTVN: +Trả lời câu hỏi 1,2,3 SGK/trang 16

+Xem trước bài 3SGK/ trang 17

HOẠT ĐỘNG 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học

Dặn dò: Các em đọc Bài 2 SGK/trang 8 và hoàn thành phiếu học tập bài 2 này

Bài 2 : LAI MỘT CẶP TÍNH TRẠNG

I. Thí nghiệm của Mendel:

Thí nghiệm :

P^{T/C} : ♂.Hoa đỏ x ♀

Kết quả :

Kiểu hình F₁:

F₁ x F₁ : ♂ x ♀ Hoa đỏ

Kết quả :

Kiểu hình F₂:

→ phương pháp phân tích thế hệ lai của Mendel

II. Mendel giải thích kết quả thí nghiệm:

B1: Quy ước gen :

Gen A quy định hoa đỏ

Gen a quy định hoa trắng

Gen A trội hoàn toàn so với gen a.

Ghi lại sơ đồ lai	Giải thích kết quả thí nghiệm
P^{T/C}: ♂ AA^{Hoa đỏ} x ♀ aa^{Hoa trắng} Gp: : F₁ : : TLKG F₁ : 100%..... TLKH F₁ : 100% Hoa đỏ F₁ x F₁: ♂ Aa^{Hoa đỏ} x ♀ Aa^{Hoa đỏ} G_{F1} : : F₂ : : TLKG F₂ : 1 : 2..... : 1 TLKH F₂ : 3 : 1 Hay (75%: 25%)	- Mendel giải thích kết quả thí nghiệm + Mỗi nhân tố tính trạng do cặp nhân tố di truyền quy định . + Trong quá trình phát sinh g tử có sự phân li của cặp nhân tố di truyền . + Các nhân tố di truyền được tổ hợp lại trong quá trình thụ tinh

*** Nội dung qui luật phân li:**

TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

Quy luật phân li: Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong phân li về 1 giao tử và giữ nguyên như ở cơ thể thuần chủng của P.

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả
 - Lê Anh Trà
2. Tác phẩm
 - Kiểu văn bản: nhật dụng
 - Phương thức biểu đạt: thuyết minh – nghị luận

II Đọc – hiểu văn bản

1. Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh

a. Sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa dân tộc và văn hóa nhân loại

- Trong cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian truân, Bác Hồ đã đi qua nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nền văn hoá Đông, Tây, hiểu biết sâu rộng nền văn hoá của các nước trên thế giới.

- Bác Hồ tiếp thu vốn tri thức sâu rộng ấy nhờ vào:

- + Đến nhiều nước, sống dài ngày ở các nước đó: nói và viết thạo nhiều ngoại ngữ: Pháp, Anh, Hoa, Nga.
- + Người đã làm nhiều nghề.
- + Tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm.

Am hiểu văn hóa
thế giới sâu sắc

- Người tiếp thu tinh hoa các nền văn hoá có **chọn lọc**.

- + Tiếp thu mọi cái đẹp, cái hay.
- + Đồng thời phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản.

Không chịu ảnh hưởng
một cách thụ động.

⇒ Trên nền tảng văn hoá dân tộc và tiếp thu văn hoá thế giới để trở thành một nhân cách rất hiện đại nhưng cũng rất Việt Nam.

b. Nét đẹp trong lối sống giản dị mà thanh cao.

* **Giản dị**

- Nơi ở và làm việc mộc mạc, đơn sơ:

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

- Trang phục của Bác cũng hết sức giản dị: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ.

- Ăn uống rất đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...

=> Gọi ta nhớ đến các hiền triết xưa: Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi

* **Thanh cao**

- Không là lối sống khắc khổ hay khác người -> giản dị, tự nhiên-> lối sống đẹp, sống có văn hóa.

- Lối sống rất dân tộc, rất Việt Nam: gắn với thú vui đạm bạc, thanh cao như các vị hiền triết.

2. **Đặc sắc nghệ thuật**

- Chọn lọc được chi tiết tiêu biểu.

- Sử dụng nghệ thuật đối lập: vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi; am hiểu mọi nền văn hóa mà hết sức dân tộc.

- Đan xen thơ NBK, dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa HCM và các bậc hiền triết xưa.

Phản Tiếng Việt

CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I. Phương châm về lượng

1. VD 1.

- Điều mà Ba trả lời thiếu nội dung mà An muốn biết.

-> Bài học: : **Khi giao tiếp, lời nói cần đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp.**

2. VD2

- Truyện gây cười vì sự khoe của khôi hài của các nhân vật.

- Từ “mới” và “cười” -> thừa trong câu

-> Bài học: : **Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung, nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu không thừa.**

GHI NHỚ

Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa (phương châm về lượng)

II. Phương châm về chất

VD: QUẢ BÍ KHÔNG LỖ

- Truyện cười này phê phán tính nói khoác.

→ Bài học: *Trong giao tiếp, đừng nói những điều mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực.*

GHI NHỚ

Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hoặc không có bằng chứng xác thực (phương châm về chất)

III. Luyện tập

Bài 1.

Phương châm hội thoại vi phạm là:

- Thừa nuôi ở nhà, vì gia súc đã có nghĩa là thú nuôi trong nhà.
- Thừa có hai cánh, vì tất cả loài chim đều có hai cánh (không riêng gì chim én)

Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống

Trả lời:

- Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng.
- Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì là nói dối.
- Nói một cách hú họa, không căn cứ là nói mò.
- Nói nhảm nhí, vu vơ là nói nhăng nói cuội.
- Nói khoác lác, làm ra vẻ tài giỏi hoặc nói những chuyện bông đùa khoác lác cho vui là nói trạo.

Các từ ngữ in nghiêng đều chỉ những cách nói liên quan đến những phương châm hội thoại về chất:

- Nói điều mà mình tin là đúng: (a)
- Nói điều mình tin là không đúng hay không có bằng chứng xác thực: (b), (c), (d), (e).

Bài 3. Đọc truyện cười sau và cho biết phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ...

Trả lời:

Câu hỏi “*Rồi có nuôi được không?*”; thừa nội dung.

Người nói không tuân thủ phương châm hội thoại về lượng.

Bài 4. Vận dụng những phương châm hội thoại đã học để giải thích vì sao người nói đôi khi phải dùng những cách diễn đạt như: [...].

Trả lời:

a. Trường hợp phải đưa ra một nhận định hoặc một thông tin nhưng chưa có bằng chứng, đôi khi người nói phải dùng những cách diễn đạt sau, nhằm báo rằng những nhận định hoặc thông tin đó chưa được kiểm chứng: như tôi được biết, tôi tin rằng, nếu tôi không làm thì, theo tôi nghĩ, hình như là.

b. Trường hợp người nói muốn nhắc lại cho người nghe thấy điều mình đã nói, điều mọi người đã biết mà không vi phạm phương châm về lượng: như tôi đã trình bày, như tôi được biết.

Bài 5. Giải thích nghĩa các thành ngữ và các thành ngữ này liên quan đến phương châm hội thoại nào? [...]

Trả lời:

- *Ăn đơm nói đặt*: đặt điều vu khống.
- *Ăn ốc nói mò*: nói không có căn cứ.
- *Ăn không nói có*: bịa đặt, vu khống.
- *Cãi chày, cãi cối*: có tranh cãi dù không có lí lẽ.
- *Khua môi múa mép*: khoác lác, ba hoa.
- *Nói dơi nói chuột*: nói linh tinh, không có mục đích nghiêm chỉnh.
- *Hứa hươu hứa vượn*: hứa nhưng không thực hiện.

=> Tất cả thành ngữ trên đều chỉ cách nói, nội dung nói không tuân thủ phương châm về chất.

Phần tập làm văn

**SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT
TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

I. Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

1. Ôn tập văn bản thuyết minh

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

a. **Tính chất của văn bản thuyết minh**: khách quan, thực tế, là loại văn bản cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người về những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

b. **Mục đích của văn bản thuyết minh**: là kiểu văn bản thông dụng nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

c. **Các phương pháp thuyết minh thường dùng**:

- Phương pháp nêu định nghĩa, liệt kê, ví dụ cụ thể, số liệu (con số), so sánh, phân loại, phân tích.

2. Viết văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật

Văn bản: ***Hạ Long Đá và Nước***

* Văn bản này thuyết minh đặc điểm của "đá" và "nước" ở vịnh Hạ Long.

- Văn bản đã cung cấp cho ta những tri thức khách quan về “đá” và “nước”.

- Bài văn sử dụng phương pháp giải thích, phân loại và miêu tả, biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh để tạo sự sinh động.

GHI NHỚ

- Muốn cho văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vẽ, diễn ca, ...

- Các biện pháp nghệ thuật cần được sử dụng thích hợp, góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.

II. Luyện tập

Bài 1.

a. Tính chất thuyết minh: giới thiệu loài ruồi một cách khoa học “*Con là Ruồi xanh, thuộc họ côn trùng, hai cánh mắt lưới*”.

Họ, giống, loài (định nghĩa, phân loại). “*Họ hàng con rất đông, gồm Ruồi trâu, Ruồi vàng, Ruồi giấm...*”.

Tập tính sinh sống, sinh đẻ (số liệu). “*Một đôi ruồi, trong một mùa từ tháng tư đến tháng tám nếu đều mẹ tròn con vuông sẽ đẻ ra 19 triệu tỉ con ruồi, ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái*”.

Đặc điểm cơ thể (liệt kê). “*Một là nuôi sống nơi dơ bẩn, mang nhiều vi trùng gieo rắc bệnh tật, Bên ngoài ruồi mang 6 triệu vi khuẩn, trong ruột chứa đến 28 triệu vi khuẩn*”.

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

- Những phương pháp thuyết minh đã được sử dụng là: Phương pháp giải thích, phương pháp liệt kê, phương pháp dùng số liệu và phương pháp phân loại.

b. Nét đặc biệt của bài này là sự lôi cuốn, thú vị. Sở dĩ như thế vì tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá, sáng tạo, tưởng tượng linh hoạt như dựng và nhân vật Ngọc Hoàng, luật sư...

c. Các biện pháp nghệ thuật như nhân hoá, dựng lên các nhân vật hư cấu làm cho bài văn hấp dẫn, gây hứng thú và làm nổi bật lên nội dung cần thuyết minh.

Bài 2.

- Các biện pháp nghệ thuật nói ở đây như *kể chuyện, tự thuật, đối thoại (hỏi đáp) theo lối ẩn dụ, nhân hoá, các hình thức về, diễn ca...* Ví dụ: Thuyết minh một đồ vật, loài cây, vật nuôi ấy tự kể chuyện mình (*cây lúa tự thuật, giống mè tự thuật, cái cặp sách tự thuật...*) hoặc kể một câu chuyện hư cấu về chúng (*chuyện Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh...*). Thông thường hơn cả là phát huy trí tưởng tượng, liên tưởng, vận dụng các phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh để khơi gợi sự cảm thụ về đối tượng thuyết minh. Cũng có thể dùng lối về diễn ca để thuyết minh sự vật cho dễ nhớ.

Ví dụ: Trước đây, để giúp đồng bào dễ nhớ các chữ cái, người ta đã làm nhiều câu về, có câu như sau: *O tròn như quả trứng gà, Ô thời thêm mũ, Ơ thời thêm râu.*

- Điều quan trọng là các biện pháp nghệ thuật này chỉ có tác dụng phụ trợ làm cho văn bản thêm hấp dẫn, dễ nhớ nhưng không thay thế được bản thân sự thuyết minh là cung cấp tri thức khách quan, chính xác về đối tượng.

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. Chuẩn bị ở nhà

Cho đề bài:

Thuyết minh một trong các đồ dùng sau: cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón.

a. Xác định đề bài cụ thể.

b. Lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài.

Hướng dẫn làm bài

1. Thuyết minh về cái nón lá

a. Lập dàn ý

* Mở bài: Giới thiệu chung về chiếc nón.

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

* Thân bài:

- Lịch sử chiếc nón và nghề làm nón.
- Cấu tạo của chiếc nón.
- Quy trình làm ra chiếc nón.
- Giá trị kinh tế, văn hoá, nghệ thuật của chiếc nón.

* Kết bài: Cảm nghĩ chung về chiếc nón trong đời sống hiện tại.

b. Hướng dẫn viết mở bài:

Mở bài 1.

Nhắc đến những vật dụng gắn bó, gần gũi, thân thiết với người Việt, không thể nào bỏ qua chúng tôi - những chiếc nón lá. Nón lá chúng tôi đã đồng hành cùng con người Việt Nam qua suốt chiều dài lịch sử. Lúc vui, lúc buồn, khi để che nắng mưa cùng người một nắng hai sương, khi lại làm duyên cùng nụ cười thiếu nữ hay e ấp cùng cô dâu bước chân về nhà chồng.

Mở bài 2.

Nón lá cùng tà áo dài, hoa sen đã trở thành biểu tượng đẹp khi nhắc tới đất nước Việt Nam cong cong hình chữ S. Nón lá không chỉ là vật dụng quen thuộc giúp các bà các mẹ ra đồng khỏi nắng khỏi mưa mà chiếc nón còn là vật dụng làm duyên cho cái thiếu nữ trong tà áo dài e ấp. Chiếc nón vừa là vật dụng hằng ngày vừa mang tính biểu tượng, có ý nghĩa đối với đời sống vật chất và tinh thần của người dân Việt Nam.

HS tập viết bài hoàn chỉnh.

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN LỊCH SỬ 9

NĂM HỌC: 2021 – 2022

Tuần 1: (06/9/2021 – 11/9/2021)

Phần một:

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU

SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

**BÀI 1: LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG
NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX**

I. LIÊN XÔ:

1. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945-1950)

- Bị tàn phá nặng nề.
- Đề ra kế hoạch 5 năm để khôi phục và phát triển kinh tế.
- Kết quả: hoàn thành trước thời hạn, công nghiệp, nông nghiệp phục hồi và phát triển, khoa học kỹ thuật đạt nhiều thành tựu (1949 chế thành công bom nguyên tử phá thế độc quyền hạt nhân của Mỹ).

2. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

- Được tiến hành bằng các kế hoạch dài hạn.
- Phương hướng: sgk trang 4.
- Thành tựu: công nghiệp đứng thứ hai thế giới sau Mỹ, khoa học-kỹ thuật phát triển (Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo. Năm 1961, đưa nhà du hành Gagarin bay vòng quanh trái đất...)
- Đối ngoại: chủ trương duy trì hòa bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập.

Dặn dò:

- Học sinh đọc thêm nội dung kiến thức trong sách.
- Học sinh chuẩn bị nội dung bài 1 mục II, III.

Tiết 1 BÀI 1: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. Các dân tộc ở Việt Nam:

- Có 54 dân tộc.
- Mỗi dân tộc có những nét văn hóa riêng, thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, quần cư, phong tục, tập quán...
- Dân tộc Việt (Kinh) có số dân đông nhất, chiếm khoảng 86% dân số cả nước, là lực lượng lao động đông đảo
- Người Việt định cư ở nước ngoài cũng là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc VN
- Các dân tộc ít người có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau.

II. Phân bố các dân tộc:

1. Dân tộc Việt (Kinh):

- Phân bố rộng khắp cả nước, chủ yếu ở đồng bằng và duyên hải.

2. Các dân tộc ít người:

- Phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du.
- Trung du và miền núi Bắc Bộ: trên 30 dân tộc (Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông..)
- Khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên: trên 20 dân tộc (Ê-đê, Gia-rai, Cơ-ho...)
- Các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ: Chăm, Khơ-me, Hoa.
- Hiện nay, phân bố dân tộc đã có nhiều thay đổi.

Tiết 2 BÀI 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

I. Số dân:

- Việt Nam là quốc gia đông dân (96,2 triệu người – 2019), đứng thứ 3 Đông Nam Á, đứng thứ 15 trên thế giới.

II. Gia tăng dân số:

- Hiện tượng “ bùng nổ dân số” bắt đầu từ cuối những năm 50 và chấm dứt vào những năm cuối thế kỉ XX.
- Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số nên tỉ lệ gia tăng dân số đang có xu hướng giảm, tuy nhiên mỗi năm vẫn tăng thêm khoảng 1 triệu người.
- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có sự khác nhau giữa các vùng.

III. Cơ cấu dân số:

- Nước ta có cơ cấu dân số trẻ.
- Cơ cấu dân số theo độ tuổi đang có sự thay đổi, tỉ lệ trẻ em giảm xuống, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng lên.

I- Đặt vấn đề.

“Tô Hiến Thành – một tấm gương về chí công vô tư”

=> Cần phải sống công bằng, không thiên vị, vì lợi ích chung để được tin cậy, yêu quý, kính trọng.

II- Nội dung bài học.

1. Chí công vô tư là gì ?

Là sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

2. Vì sao phải chí công vô tư ?

- Làm cho đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- Được mọi người tin cậy, kính trọng.

3. Rèn luyện

- Ủng hộ, quý trọng người chí công vô tư.
- Phê phán những biểu hiện thiếu chí công vô tư
- Luôn thể hiện hành vi chí công vô tư trong cuộc sống.

Danh ngôn:

“Phải để việc công, việc nước lên trên, lên trước việc tư, việc nhà”.

Hồ Chí Minh

III- Bài tập.

Câu 1: Em sẽ làm gì trong mỗi trường hợp sau đây (im lặng, phản đối hay đồng tình) và giải thích vì sao em lại làm như vậy?

a) Em biết ông Ba làm nhiều việc sai trái, nhưng ông Ba lại là ân nhân của gia đình em.

b) Em biết ý kiến của bạn Trung là đúng, song ý kiến đó lại bị đa số các bạn trong lớp phản đối.

c) Khi đề cử đại biểu tham dự Đại hội “Cháu ngoan Bác Hồ” của thành phố, một số bạn biết Trang hoàn toàn xứng đáng, song lại không đồng ý cử Trang vì Trang hay phê bình mỗi khi các bạn đó có khuyết điểm.

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

Câu 2: Loan và Thảo được cô chủ nhiệm giao nhiệm vụ dẫn chương trình cho Đại hội Chi đội. Theo kế hoạch, trước hôm đại hội, hai bạn phải khớp chương trình với nhau, nhưng vì Thảo đang giận Loan (Loan đã ghi tên Thảo vào sổ theo dõi - Loan là tổ trưởng của Thảo) nên Thảo đã không đến làm việc cùng Loan.

- 1/ Em tán thành hay không tán thành cách xử sự của bạn Thảo ? Vì sao?
- 2/ Nếu là Loan, em sẽ làm gì trong tình huống ấy ?

Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ NGHỀ ĐIỆN DÂN DỤNG

Hầu hết các hoạt động trong sản xuất và đời sống đều gắn với việc sử dụng điện năng. Nghề điện dân dụng cần rất nhiều người để làm các công việc trong nghề điện dân dụng.

I. Vai trò, vị trí của nghề điện dân dụng trong sản xuất và đời sống.

- Nghề điện dân dụng rất đa dạng, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sử dụng điện năng phục vụ cho đời sống, sinh hoạt và lao động sản xuất của các hộ tiêu thụ điện + Nghề điện dân dụng góp phần đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước .
- Người thợ điện có mặt ở các nơi để làm các công việc về điện .

II. Đặc điểm và yêu cầu của nghề điện.

1. Đối tượng lao động của nghề điện :

- Thiết bị bảo vệ, đóng cắt và lấy điện.
- Nguồn điện một chiều và xoay chiều điện áp thấp dưới 380V .
- Thiết bị đo lường điện .
- Vật liệu và dụng cụ làm việc của nghề điện .
- Các loại đồ dùng điện .

2. Nội dung lao động của nghề điện .

Lắp đặt mạng điện sản xuất và sinh hoạt	Lắp đặt thiết bị và đồ dùng điện	Vận hành bảo dưỡng và sửa chữa mạng điện, thiết bị và đồ dùng điện
+ Lắp đặt mạng điện chiếu sáng trong nhà .	+ Lắp đặt máy bơm nước + Lắp đặt điều hoà không khí .	+ Sửa chữa quạt điện . + Bảo dưỡng và sửa chữa máy giặt .

3. Điều kiện làm việc của nghề điện .

Công việc lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, đồ dùng điện thường được tiến hành trong nhà.

4. Yêu cầu của nghề điện dân dụng đối với người lao động .

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Thái độ .
- Sức khoẻ .

5. Triển vọng của nghề .

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

- Cần phát triển để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước .
- Gắn liền với sự phát triển điện năng, đồ dùng điện và tốc độ phát triển xây dựng nhà ở .
- Phát triển ở thành phố, nông thôn và miền núi .
- Người thợ điện phải luôn luôn cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp .

6. Những nơi đào tạo nghề :

- Trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học kỹ thuật .
- Trung tâm kỹ thuật tổng hợp _ hướng nghiệp .
- Trung tâm dạy nghề .

7. Những nơi hoạt động nghề :

- Trong các hộ gia đình tiêu thụ dùng điện .
- Trong xí nghiệp, cơ quan, ...
- Cơ sở lắp đặt, sửa chữa điện .

Học sinh truy cập vào đường link sau để làm bài tập và nộp bài:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScW93Ja1W7MXV8zv4qM8D3ymoM-oOV3Bf693xlKor7N3nIIPA/viewform?usp=sf_link

CHỦ ĐỀ: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET
BÀI 1. TỪ MÁY TÍNH ĐẾN MẠNG MÁY TÍNH

1. Vì sao cần mạng máy tính?

- Người dùng có nhu cầu trao đổi dữ liệu hoặc các phần mềm.
- Với các máy tính đơn lẻ, khó thực hiện khi thông tin cần trao đổi có dung lượng lớn.
- Nhu cầu dùng chung các tài nguyên máy tính như dữ liệu, phần mềm, máy in,... từ nhiều máy tính.

2. Khái niệm mạng máy tính

a) Mạng máy tính là gì?

Mạng máy tính là tập hợp các máy tính được kết nối với nhau theo một phương thức nào đó thông qua các phương tiện truyền dẫn tạo thành một hệ thống cho phép người dùng chia sẻ tài nguyên như dữ liệu, phần mềm, máy in,...

Các kiểu kết nối mạng máy tính:

- Kết nối hình sao.
- Kết nối đường thẳng.
- Kết nối kiểu vòng.

BT1: Cho biết ưu, khuyết của 3 kiểu kết nối mạng? Phòng máy em đang học sử dụng kiểu
--

2. Khái niệm mạng máy tính

b) Các thành phần của mạng.

- Các thiết bị đầu cuối như máy tính, máy in,...
- Môi trường truyền dẫn cho phép các tín hiệu truyền được qua đó(sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại).
- Các thiết bị kết nối mạng(modem, bộ định tuyến)
- Giao thức truyền thông: là tập hợp các quy tắc quy định cách trao đổi thông tin giữa các thiết bị gửi và nhận dữ liệu trên mạng.

3. Phân loại mạng máy tính

a) Mạng có dây và mạng không dây

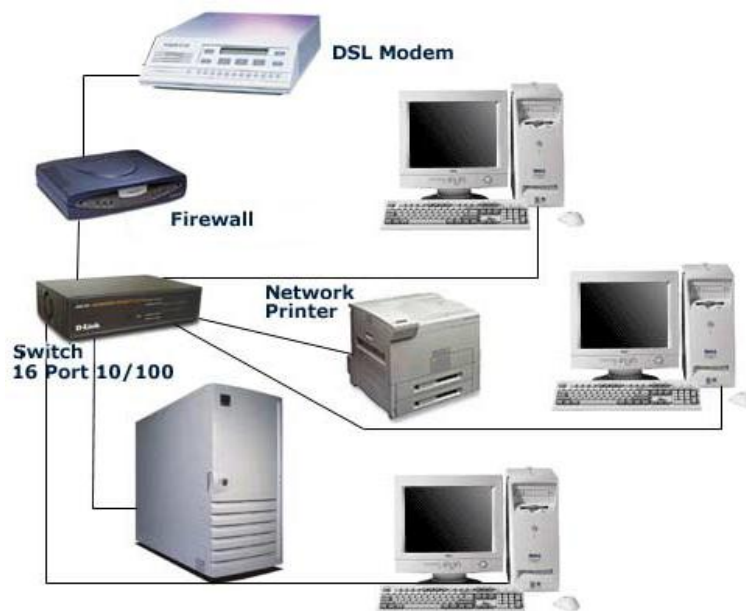
- Mạng có dây sử dụng môi trường truyền dẫn là các dây dẫn(cáp xoắn, cáp quang).
- Mạng không dây sử dụng môi trường truyền dẫn không dây(sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại).

b) Mạng cục bộ và mạng diện rộng

- Mạng cục bộ(Lan - Local Area Network) chỉ hệ thống máy tính được kết nối trong phạm vi hẹp như một văn phòng, một tòa nhà.
- Mạng diện rộng(Wan - Wide Area Network) chỉ hệ thống máy tính được kết nối trong phạm vi rộng như khu vực nhiều tòa nhà, phạm vi một tỉnh, một quốc gia hoặc toàn cầu.

Bài tập củng cố

Phần 1: Quan sát hình và cho biết đâu là các thiết bị kết nối mạng



Phần 2: Hãy cho biết tên của các thiết bị sau:



Phần 3: Kể tên các phương thức kết nối không dây?

TRƯỜNG THCS CHÁNH HÙNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN ÂM NHẠC KHỐI 9

NĂM HỌC: 2021 - 2022

TUẦN 1: (06/9/2021 – 11/9/2021)

Học bài hát: BÓNG DÁNG MỘT NGÔI TRƯỜNG

Nhạc và lời: Hoàng Lâm

Đã bao mùa thu khai trường.
Đã bao mùa hè chia tay.
Vẫn còn trẻ mãi ngôi trường ở chốn đây.
Những cánh chim dù bay xa.
Năm tháng không thể xoá nhoà.
Và tình yêu ấy sáng lên trong lòng chúng ta.

ĐK: Hát mãi bên dòng sông ấy mang theo bao kỉ niệm.
Hàng cây xanh dẹt vào bức tranh đầy kí ức tuổi thơ.
Một khúc ca đang vang vọng.
Làm ta xao xuyến nhớ đến bây giờ.
Hát tiếp những bài ca mới cho xanh tươi tình bạn.
Dòng sông xưa thời gian lắng trôi càng gần bó dài lâu.
Càng lắng sâu trong tâm hồn.
Lòng ta ghi mãi bóng dáng ngôi trường.

❖ **NHẬN XÉT BÀI:**

- Bài hát “Bóng dáng một ngôi trường” do NS. Hoàng Lâm sáng tác.
- Nội dung: Trong mỗi chúng ta, ai cũng mang trong lòng những tình cảm được lưu giữ từ một mái trường, nơi có các thầy, cô giáo và những bạn bè thân thiết của một thời cắp sách. Những dấu ấn đó sẽ còn mãi trong chúng ta cùng với những kỷ niệm khó phai mờ.
- Viết ở giọng Pha trưởng
- Có 2 đoạn:

Đoạn a: Viết ở nhịp 4/4 có tính chất sôi nổi, linh hoạt

Đoạn b: Viết ở nhịp 2/4 có tính chất tha thiết, lời cuốn

❖ **DẶN DÒ:**

- Chép lời bài hát “Bóng dáng một ngôi trường”.
- Học thuộc lời ca và giai điệu bài hát.